

Số: 590 /TT-UBND

Gia Lai, ngày 17 tháng 3 năm 2023

### TỜ TRÌNH

#### Về việc đề nghị giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND  
TỈNH GIA LAI

Kính gửi: HĐND tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Mười hai (chuyên đề).

Số: 1560  
Đến Ngày: 17/3/2023  
Chuyển: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Số và ký hiệu HS: chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.

Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Mười hai (chuyên đề) xem xét giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, cụ thể như sau:

#### I. Căn cứ xây dựng.

Căn cứ Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định “Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng

*Chính phủ giao kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của quốc gia, các cơ quan chủ quản chương trình lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước”.*

## **II. Nguyên tắc bối trí kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 cho các sở, ngành và địa phương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia**

Tuân thủ theo quy định Luật Đầu tư công, Nghị quyết của HĐND về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia, và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương trong đó:

### **1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới**

a) Đối với vốn trong nước: (i) Thực hiện Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ; (ii) Thực hiện một số nhiệm vụ của Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước; (iii) Số vốn còn lại bổ sung cho các địa phương theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

b) Đối với vốn nước ngoài: Thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai.

### **2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Thực hiện Dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.**

3. Tỉnh giao bổ sung tổng mức kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 cho các sở, ban, ngành, địa phương, đảm bảo không vượt quá tổng mức vốn được giao theo Quyết định số 147/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

4. Các cơ quan chủ Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh, các cơ quan thanh tra, kiểm toán và các cơ quan liên quan về thông tin, số liệu, mục tiêu, nhiệm vụ, đối tượng, nội dung triển khai trong kế hoạch vốn thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

## **III. Nội dung trình bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025**

Tổng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung là 253.330 triệu đồng, trong đó: Vốn trong nước là 162.662 triệu đồng; vốn nước ngoài là 90.668 triệu đồng, cụ thể:

**1. Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới:** Tổng vốn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 bổ sung là 246.318 triệu đồng, trong đó: Vốn trong nước là 155.650 triệu đồng; vốn nước ngoài là 90.668 triệu đồng.

Theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại văn bản

số 6404/BNN-VPĐP ngày 23/9/2022 về dự kiến phương án phân bổ vốn NSTW còn lại của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (lần 3), phương án phân bổ cụ thể như sau:

a) Ngân sách trung ương (vốn trong nước) là 155.650 triệu đồng, gồm:

- ***Chương trình mỗi xã một sản phẩm*** theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ (phụ lục II ban hành kèm theo văn bản số 6404/BNN-VPĐP): **10.000 triệu đồng**. Theo Quyết định số 799/QĐ-BNN-VPĐP ngày 08/3/2023, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã Phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (đợt 1), cụ thể Gia Lai: Mô hình phát triển sản phẩm OCOP về Du lịch cộng đồng Mơ Hra, xã Kông Long khong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, đề xuất phân bổ hỗ trợ huyện Kbang để thực hiện mô hình nêu trên.

- ***Chương trình theo chỉ đạo điểm của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước*** (Phụ lục V ban hành kèm theo văn bản số 6404/BNN-VPĐP): **63.500 triệu đồng** để thực hiện một số nhiệm vụ, cụ thể:

+ Phân bổ 50.000 triệu đồng hỗ trợ huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (huyện chỉ đạo điểm của Trung ương) phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

+ Phân bổ 13.500 triệu đồng để Xây dựng thí điểm mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện.

- Phân bổ 82.150 triệu đồng bổ sung cho các địa phương theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (phụ lục III ban hành kèm theo văn bản số 6404/BNN-VPĐP). Số vốn phân bổ cho các địa phương đảm bảo tuân thủ nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn quy định tại Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh.

b) Ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) là 90.668 triệu đồng, để thực hiện Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai (theo Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ). Giao Sở Y tế triển khai thực hiện Chương trình này (theo Quyết định số 276/QĐ-UBND ngày 08/5/2021 của UBND tỉnh về việc giao Chủ đầu tư Chương trình Đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai sử dụng vốn vay và viện trợ không hoàn lại của ADB).

**2. Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:** Tổng vốn ngân sách Trung ương phân bổ bổ sung là 7.012 triệu đồng (trong đó: vốn trong nước là 7.012 triệu đồng). Để thực hiện dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Hiện nay, Bộ Thông tin và Truyền thông chưa có hướng dẫn cụ thể nội dung này, đề xuất UBND tỉnh trình HĐND tỉnh giao cho UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho các đơn vị khi có hướng dẫn cụ thể của Bộ, ngành Trung ương.

*(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)*

#### **IV. Về điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ của các chương trình MTQG**

##### **1. Tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ**

Tại phụ lục II kèm theo Quyết định số 147/QĐ-TTg, Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh chỉ tiêu giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh Gia Lai đã giao tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ như sau:

Đối với nhiệm vụ “thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn” điều chỉnh “*Tỷ lệ xã*:” thành “*Tỷ lệ thôn*”. Theo đó tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ghi nhầm “xã” thành “thôn” nên Quyết định số 147/QĐ-TTg điều chỉnh lại nội dung này cho phù hợp.

##### **2. Tại Nghị quyết của HĐND tỉnh và Quyết định của UBND tỉnh**

Tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 132/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, đã giao nhiệm vụ như sau:

*“1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*

*- Số thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là 102 thôn (chiếm 50,2% tổng số thôn đặc biệt khó khăn của tỉnh)”.*

Theo đó, tại Nghị quyết của HĐND tỉnh không giao nhầm giữa “tỷ lệ xã” và “tỷ lệ thôn”. Vì vậy, không cần phải điều chỉnh nhiệm vụ này.

#### **V. Sự cần thiết trình kỳ họp chuyên đề:**

Ngày 23/02/2023 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 147/QĐ-TTg giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định về cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia quy định “Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm của quốc gia, các cơ quan chủ quản chương trình lập, phê duyệt, giao kế hoạch thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 5 năm theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước”. Do vậy việc đề xuất giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG tại kỳ họp thứ Mười hai (chuyên đề) là cần thiết.

#### **VI. Đề xuất, kiến nghị**

1. Kính đề nghị HĐND tỉnh thông qua phương án giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình

MTQG giai đoạn 2021-2025.

2. Hiện nay một số nội dung dự kiến phân bổ kế hoạch vốn bổ sung giai đoạn 2021-2025 chưa được các Bộ, ngành trung ương hướng dẫn cụ thể như:

- Xây dựng thí điểm mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện: Hiện nay Trung ương chưa có hướng dẫn triển khai thực hiện nên chưa đủ cơ sở để xuất phân bổ kinh phí cụ thể cho cơ quan, đơn vị thực hiện.

- Thực hiện dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Để tránh vướng mắc khi triển khai dự án, phân bổ chi tiết khi có hướng dẫn cụ thể Bộ Thông tin và Truyền thông.

Để đẩy nhanh tiến độ thực hiện việc phân bổ kế hoạch vốn, kính đề nghị HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết các nội dung nêu trên sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XII, Kỳ họp thứ Mười hai xem xét, quyết định./. *Ma*

*Nơi nhận:* *Hà*.

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy (báo cáo);
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNNS - HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, NL, KTTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



*Dương Mah Tiệp*

Phụ lục I

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN GIAO BỔ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI  
ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MTQG

(Kèm theo Tờ trình số 590/TTr-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nội dung/Nhiệm vụ	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung			Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:			
			Ngân sách trung ương (Vốn trong nước)	Ngân sách trung ương (Vốn nước ngoài)		
	<b>TỔNG SỐ</b>	<b>253.330</b>	<b>162.662</b>	<b>90.668</b>		
I	<b>Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới</b>	<b>246.318</b>	<b>155.650</b>	<b>90.668</b>		
1	Chương trình mỗi xã một sản phẩm theo Quyết định số 919/QĐ-TTg ngày 01/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ	10.000	10.000			
-	Huyện Kbang	10.000	10.000		(1)	
2	Một số nhiệm vụ chỉ đạo điểm của Đảng và Nhà nước	63.500	63.500			
a)	Hỗ trợ huyện Kbang, tỉnh Gia Lai (huyện chỉ đạo điểm của Trung ương) phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025	50.000	50.000			
-	Huyện Kbang	50.000	50.000			
b)	Xây dựng thí điểm mô hình Trung tâm thu mua - cung ứng nông sản an toàn cấp huyện	13.500	13.500		(2)	
3	Phân bổ bổ sung cho các địa phương theo các tiêu chí xã, huyện, tỉnh được ưu tiên	82.150	82.150		Chi tiết tại PL 1.1	
4	Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn tỉnh Gia Lai	90.668		90.668	(3)	

STT	Nội dung/Nhiệm vụ	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung			Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó:			
			Ngân sách trung ương (Vốn trong nước)	Ngân sách trung ương (Vốn nước ngoài)		
-	Sở Y tế	90.668		90.668		
II	Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.012	7.012	-		
	Thực hiện dự án 10. Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	7.012	7.012		(4)	

Ghi chú: Cơ sở đề xuất theo Công văn số 6404/BNN-VPDP ngày 23/9/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

*Uy*

(1) Hỗ trợ huyện Kbang thực hiện Mô hình phát triển sản phẩm OCOP về Du lịch cộng đồng Mơ Hra, xã Kong Lóng khong, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Mô hình này đã được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Phê duyệt tại Quyết định số 799/QĐ-BNN-VPDP ngày 08/3/2023 về Phê duyệt danh mục các mô hình thí điểm thuộc Chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2021-2025 (đợt 1).

(2) Hiện nay Trung ương chưa có hướng dẫn triển khai thực hiện nên chưa đủ cơ sở đề xuất phân bổ kinh phí cụ thể cho cơ quan, đơn vị thực hiện. Đề xuất HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

(3) Đề xuất HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết cho dự án thuộc Chương trình này đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật hiện hành.

(4) Hiện nay Trung ương chưa có hướng dẫn triển khai thực hiện nên chưa đủ cơ sở đề xuất phân bổ kinh phí cụ thể cho cơ quan, đơn vị thực hiện. Đề xuất HĐND tỉnh giao UBND tỉnh phân bổ chi tiết sau khi có văn bản hướng dẫn của Trung ương.

Phụ lục 1.1

**CHI TIẾT GIAO BỎ SUNG KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỪ NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025 CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG THEO TIÊU CHÍ**

**HỆ SỐ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

(Kèm theo Tờ trình số 5/90/TTr-UBND ngày 17/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Tổng điểm	Trong đó:		Kinh phí cho 1 hệ số	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung
				Hệ số phân bổ theo xã	Hệ số ưu tiên		
1	2	3	4=5*6	5	6	7=8/4	8=4*7
	<b>Toàn tỉnh</b>		<b>434,0</b>	<b>340,0</b>		<b>189,29</b>	<b>82.150</b>
	Xã đã đạt chuẩn NTM	91	91,0	91			17.199
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	18	70,5	54			13.348
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	31	232,5	155			44.031
	Xã ĐBK	42	-	0			-
	Hỗ trợ huyện phán đầu đạt chuẩn NTM	2	40,0	40			7.572
	<i>Chi tiết địa bàn:</i>						-
I	Huyện Ia Grai	13	55,0	46,0			10.410
	Xã đạt chuẩn NTM	8	8,0	8,0			1.512
1	Ia Sao		1,0	1,0	1,0		189
2	Ia Dêr		1,0	1,0	1,0		189
3	Ia Hrung		1,0	1,0	1,0		189
4	Ia Yok		1,0	1,0	1,0		189
5	Ia Bă		1,0	1,0	1,0		189
6	Ia Tô		1,0	1,0	1,0		189
7	Ia O		1,0	1,0	1,0		189
8	Ia Krăi		1,0	1,0	1,0		189
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1	4,5	3,0			852
9	Ia Chía		4,5	3,0	1,5		852
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	3	22,5	15,0			4.260
10	Ia Péch		7,5	5,0	1,5		1.420
11	Ia Khai		7,5	5,0	1,5		1.420
12	Ia Grăng		7,5	5,0	1,5		1.420
	Hỗ trợ huyện phán đầu đạt chuẩn NTM	1	20,0	20,0	1,0		3.786
II	Huyện Phú Thiện	10,0	37,0	33,0			7.003
	Xã đạt chuẩn NTM	5	5,0	5,0			945

UPL



STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Tổng điểm	Trong đó:		Kinh phí cho 1 hệ số	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung
				Hệ số phân bổ theo xã	Hệ số ưu tiên		
1	Ia Sol		1,0	1,0	1,0		189
2	Ayun H��		1,0	1,0	1,0		189
3	Ia Piar		1,0	1,0	1,0		189
4	Ia Ake		1,0	1,0	1,0		189
5	Chr��h Ponan		1,0	1,0	1,0		189
	X�� đ��t 15-18 ti��u ch��	1	4,5	3,0			852
6	Ia Peng		4,5	3,0	1,5		852
	X�� đ��t dưới 15 ti��u ch��	1	7,5	5,0			1.420
7	Ia Hiao		7,5	5,0	1,5		1.420
	X�� ĐBKK	2					-
8	Chu Athai						-
9	Ia Yeng						-
	Hỗ trợ huyện ph��n đ��u đ��t chuẩn NTM	1	20,0	20,0	1,0		3.786
III	Huyện K'Bang	13,0	25,0	22,0			4.731
	X�� đ��t chuẩn NTM	7	7,0	7,0			1.323
1	Đ��k Hl��		1,0	1,0	1,0		189
2	Ngh��a An		1,0	1,0	1,0		189
3	Đ��ng		1,0	1,0	1,0		189
4	S�� Pai		1,0	1,0	1,0		189
5	T�� Tung		1,0	1,0	1,0		189
6	S��n Lang		1,0	1,0	1,0		189
7	K��ng B�� La		1,0	1,0	1,0		189
	X�� đ��t 15-18 ti��u ch��	5	18,0	15,0			3.408
8	L�� Ku		3,0	3,0	1,0		568
9	Đ��k Smar		3,0	3,0	1,0		568
10	K��ng L��ng Kh��ng		4,5	3,0	1,5		852
11	Kon Pne		4,5	3,0	1,5		852
12	Krong		3,0	3,0	1,0		568
	X�� ĐBKK	1					-
13	Đ��k Rong						-
IV	Huyện Ia Pa	9	21,5	15,0			4.070
	X�� đ��t chuẩn NTM	2	2,0	2,0			378
1	Ia Mr��n		1,0	1,0	1,0		189
2	Ia Tul		1,0	1,0	1,0		189



STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Tổng điểm	Trong đó:		Kinh phí cho 1 hệ số	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung
				Hệ số phân bổ theo xã	Hệ số ưu tiên		
	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>	1	4,5	3,0			852
3	Kim Tân		4,5	3,0	1,5		852
	<i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>	2	15,0	10,0			2.840
4	Ia Trôk		7,5	5,0	1,5		1.420
5	Chư Mó		7,5	5,0	1,5		1.420
	<i>Xã ĐBKK</i>	4					-
6	Chư Răng						-
7	Pờ Tó						-
8	Ia Broai						-
9	Ia KĐăm						-
V	Huyện Kông Chro	13	10,0	7,0			1.893
	<i>Xã đạt chuẩn NTM</i>	1	1,0	1,0			189
1	Yang Trung		1,0	1,0	1,0		189
	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>	2	9,0	6,0			1.704
2	Kông Yang		4,5	3,0	1,5		852
3	An Trung		4,5	3,0	1,5		852
	<i>Xã ĐBKK</i>	10					-
4	Đăk Kơ Ning						-
5	Ya Ma						-
6	Yang Nam						-
7	Chư Krey						-
8	Đăk Pơ Pho						-
9	SRÓ						-
10	Chợ Glóng						-
11	Đăk Pling						-
12	Đăk Tpang						-
13	Đăk Sông						-
VI	Huyện Krông Pa	13	6,0	6,0			1.135
	<i>Xã đạt chuẩn NTM</i>	3	3,0	3,0			567
1	Phú Cần		1,0	1,0	1,0		189
2	Ia Mläh		1,0	1,0	1,0		189
3	Uar		1,0	1,0	1,0		189
	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>	1	3,0	3,0			568
4	Chu Gu		3,0	3,0	1,0		568
	<i>Xã ĐBKK</i>	9					-

DÂM  
1/1

*WL*

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Tổng điểm	Trong đó:		Kinh phí cho 1 hệ số	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung
				Hệ số phân bổ theo xã	Hệ số ưu tiên		
5	Chư Rcăm						-
6	Ia Rsai						-
7	Đất Bằng						-
8	Chư Ngọc						-
9	Ia Rsuom						-
10	Chư Drăng						-
11	Ia Rmok						-
12	Ia Dreh						-
13	Krông Năng						-
VII	<b>Huyện Chư Prông</b>	<b>19</b>	<b>94,0</b>	<b>65,0</b>			<b>17.806</b>
	<i>Xã đạt chuẩn NTM</i>	7	7,0	7,0			1.323
1	Thăng Hưng		1,0	1,0	1,0		189
2	Bàu Cạn		1,0	1,0	1,0		189
3	Ia Phìn		1,0	1,0	1,0		189
4	Ia Lâu		1,0	1,0	1,0		189
5	Ia Drang		1,0	1,0	1,0		189
6	Ia Boòng		1,0	1,0	1,0		189
7	Ia Băng		1,0	1,0	1,0		189
	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>	1	4,5	3,0			852
8	Ia Tôr		4,5	3,0	1,5		852
	<i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>	11	82,5	55,0			15.631
9	Ia Kly		7,5	5,0	1,5		1.421
10	Bình Giáo		7,5	5,0	1,5		1.421
11	Ia Bang		7,5	5,0	1,5		1.421
12	Ia Me		7,5	5,0	1,5		1.421
13	Ia Mør		7,5	5,0	1,5		1.421
14	Ia Vê		7,5	5,0	1,5		1.421
15	Ia O		7,5	5,0	1,5		1.421
16	Ia Puch		7,5	5,0	1,5		1.421
17	Ia Pia		7,5	5,0	1,5		1.421
18	Ia Ga		7,5	5,0	1,5		1.421
19	Ia Piôr		7,5	5,0	1,5		1.421
VIII	<b>Huyện Chư Păh</b>	<b>12</b>	<b>31,0</b>	<b>22,0</b>			<b>5.868</b>
	<i>Xã đạt chuẩn NTM</i>	4	4,0	4,0			756
1	Nghĩa Hung		1,0	1,0	1,0		189

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Tổng điểm	Trong đó:		Kinh phí cho 1 hệ số	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung
				Hệ số phân bổ theo xã	Hệ số ưu tiên		
2	Ia Nhin		1,0	1,0	1,0		189
3	Nghĩa Hòa		1,0	1,0	1,0		189
4	Hòa Phú		1,0	1,0	1,0		189
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	I	4,5	3,0			852
5	Ia Mơ Nông		4,5	3,0	1,5		852
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	3	22,5	15,0			4.260
6	Ia Ka		7,5	5,0	1,5		1.420
7	Ia Khurol		7,5	5,0	1,5		1.420
8	Ia Phí		7,5	5,0	1,5		1.420
	Xã ĐBKX	4					-
9	Chư Đang Ya						-
10	Hà Tây						-
11	Đăk Tơ Ver						-
12	Ia Kreng						-
<b>IX</b>	<b>Huyện Chư Sê</b>	<b>14</b>	<b>16,5</b>	<b>15,0</b>			<b>3.120</b>
	Xã đạt chuẩn NTM	12	12,0	12,0			2.268
1	AlBă		1,0	1,0	1,0		189
2	Ia Blang		1,0	1,0	1,0		189
3	Ia Glai		1,0	1,0	1,0		189
4	Ia H'Lốp		1,0	1,0	1,0		189
5	IaPal		1,0	1,0	1,0		189
6	Dun		1,0	1,0	1,0		189
7	Chư Pơng		1,0	1,0	1,0		189
8	Bờ Ngoong		1,0	1,0	1,0		189
9	Ia Tiêm		1,0	1,0	1,0		189
10	BarMaih		1,0	1,0	1,0		189
11	Kông Htok		1,0	1,0	1,0		189
12	H'Bông		1,0	1,0	1,0		189
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	I	4,5	3,0			852
13	Ia Ko		4,5	3,0	1,5		852
	Xã ĐBKX	1					-
14	Ayun						-
<b>X</b>	<b>Huyện Chư Prông</b>	<b>8</b>	<b>13,5</b>	<b>11,0</b>			<b>2.554</b>
	Xã đạt chuẩn NTM	6	6,0	6,0			1.134
1	Xã Ia Phang		1,0	1,0	1,0		189

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Tổng điểm	Trong đó:		Kinh phí cho 1 hệ số	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung
				Hệ số phân bổ theo xã	Hệ số ưu tiên		
2	Xã Ia Blú		1,0	1,0	1,0		189
3	Ia Le		1,0	1,0	1,0		189
4	Ia Rong		1,0	1,0	1,0		189
5	Ia Hrú		1,0	1,0	1,0		189
6	Ia Dreng		1,0	1,0	1,0		189
	<i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>	<i>1</i>	<i>7,5</i>	<i>5,0</i>			<i>1.420</i>
7	Ia Hla		7,5	5,0	1,5		1.420
	<i>Xã ĐBK</i>	<i>1</i>					-
8	Chư Don						-
<b>XI</b>	<b>Huyện Đak Đoa</b>	<b>16</b>	<b>41,0</b>	<b>31,0</b>			<b>7.760</b>
	<i>Xã đạt chuẩn NTM</i>	<i>8</i>	<i>8,0</i>	<i>8,0</i>			<i>1.512</i>
1	Nam Yang		1,0	1,0	1,0		189
2	Tân Bình		1,0	1,0	1,0		189
3	Kdang		1,0	1,0	1,0		189
4	Hneng		1,0	1,0	1,0		189
5	Glar		1,0	1,0	1,0		189
6	Đak Krong		1,0	1,0	1,0		189
7	Hà Bầu		1,0	1,0	1,0		189
8	Hải Yang		1,0	1,0	1,0		189
	<i>Xã đạt 15-18 tiêu chí</i>	<i>1</i>	<i>3,0</i>	<i>3,0</i>			<i>568</i>
9	Ia Băng		3,0	3,0	1,0		568
	<i>Xã đạt dưới 15 tiêu chí</i>	<i>4</i>	<i>30,0</i>	<i>20,0</i>			<i>5.680</i>
10	Ia Pét		7,5	5,0	1,5		1.420
11	Hnol		7,5	5,0	1,5		1.420
12	Trang		7,5	5,0	1,5		1.420
13	Kon Gang		7,5	5,0	1,5		1.420
	<i>Xã ĐBK</i>	<i>3</i>					-
14	ADok						-
15	Đak Somei						-
16	Hà Đông						-
<b>XII</b>	<b>Huyện Đức Cơ</b>	<b>9</b>	<b>37,5</b>	<b>26,0</b>			<b>7.099</b>
	<i>Xã đạt chuẩn NTM</i>	<i>3</i>	<i>3,0</i>	<i>3,0</i>			<i>567</i>
1	Ia Dom		1,0	1,0	1,0		189
2	Ia Krêl		1,0	1,0	1,0		189
3	Ia Nan		1,0	1,0	1,0		189

*UOL*

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Tổng điểm	Trong đó:		Kinh phí cho 1 hệ số	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung
				Hệ số phân bổ theo xã	Hệ số ưu tiên		
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	1	4,5	3,0			852
4	Ia Kla		4,5	3,0	1,5		852
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	4	30,0	20,0			5.680
5	Ia Kriêng		7,5	5,0	1,5		1.420
6	Ia Din		7,5	5,0	1,5		1.420
7	Ia Dok		7,5	5,0	1,5		1.420
8	Ia Pnôn		7,5	5,0	1,5		1.420
	Xã ĐBKX	1					-
9	Ia Lang						-
XIII	Huyện Đak Pơ	7	10,0	10,0			1.892
	Xã đạt chuẩn NTM	4	4,0	4,0			756
1	Hà Tam		1,0	1,0	1,0		189
2	Tân An		1,0	1,0	1,0		189
3	Cư An		1,0	1,0	1,0		189
4	Phú An		1,0	1,0	1,0		189
	Xã đạt 15-18 tiêu chí	2	6,0	6,0			1.136
5	An Thành		3,0	3,0	1,0		568
6	Yang Bắc		3,0	3,0	1,0		568
	Xã ĐBKX	1					-
7	Ya Hội						-
XIV	Huyện Mang Yang	11	19,0	14,0			3.596
	Xã đạt chuẩn NTM	4	4,0	4,0			756
1	Đak Ta Ley		1,0	1,0	1,0		189
2	Ayun		1,0	1,0	1,0		189
3	Đăk Yā		1,0	1,0	1,0		189
4	Đăk Djrăng		1,0	1,0	1,0		189
	Xã đạt dưới 15 tiêu chí	2	15,0	10,0			2.840
5	H'ra		7,5	5,0	1,5		1.420
6	Kon Thụp		7,5	5,0	1,5		1.420
	Xã ĐBKX	5					-
7	Lơ Pang						-
8	Đak Jơ Ta						-
9	Kon Chiêng						-
10	Đê Ar						-
11	Đăk Trôi						-

STT	Địa bàn	Số huyện/xã hỗ trợ	Tổng điểm	Trong đó:		Kinh phí cho 1 hộ số	Kế hoạch giai đoạn 2021-2025 bổ sung
				Hệ số phân bổ theo xã	Hệ số ưu tiên		
XV	Thành phố Pleiku	8	8,0	8,0			1.512
	Xã đạt chuẩn NTM	8	8,0	8,0			1.512
1	An Phú		1,0	1,0	1,0		189
2	Diên Phú		1,0	1,0	1,0		189
3	Biển Hồ		1,0	1,0	1,0		189
4	Trà Đa		1,0	1,0	1,0		189
5	IaKênh		1,0	1,0	1,0		189
6	Gào		1,0	1,0	1,0		189
7	Chu Á		1,0	1,0	1,0		189
8	Tân Sơn		1,0	1,0	1,0		189
XVI	Thị xã An Khê	5	5,0	5,0			945
	Xã đạt chuẩn NTM	5	5,0	5,0			945
1	Cửu An		1,0	1,0	1,0		189
2	Thành An		1,0	1,0	1,0		189
3	Xuân An		1,0	1,0	1,0		189
4	Song An		1,0	1,0	1,0		189
5	Tú An		1,0	1,0	1,0		189
XVII	Thị xã Ayun Pa	4	4,0	4,0			756
	Xã đạt chuẩn NTM	4	4,0	4,0	4,0		756
1	Chư Băh		1,0	1,0	1,0		189
2	Ia Rtô		1,0	1,0	1,0		189
3	Ia Sao		1,0	1,0	1,0		189
4	Ia Rbol		1,0	1,0	1,0		189

Ghi chú: Trên đây là phương án phân bổ chi tiết đến cấp xã. Căn cứ khoản 1 Điều 6 Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh, đề nghị HĐND tỉnh giao tổng mức kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 đến cấp huyện.

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách  
trung ương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI  
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI HAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 23/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình MTQG và điều chỉnh một số chỉ tiêu mục tiêu, nhiệm vụ của 03 Chương trình MTQG tại Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ.*

*Căn cứ Nghị quyết số 17/2022/NQ-HĐND ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 20/2022/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về việc đề nghị giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2023 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Giao bổ sung kế hoạch vốn đầu tư phát triển từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, cụ thể như

sau:

Tổng vốn ngân sách trung ương bồ sung giai đoạn 2021-2025 là 253.330 triệu đồng, trong đó: vốn trong nước là 162.662 triệu đồng; vốn nước ngoài là 90.668 triệu đồng, cụ thể:

**1. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:**

Tổng vốn ngân sách trung ương bồ sung giai đoạn 2021-2025 là 246.318 triệu đồng, trong đó:

a) Ngân sách trung ương (vốn trong nước) là 155.650 triệu đồng.

b) Ngân sách trung ương (vốn nước ngoài) là 90.668 triệu đồng.

**2. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:**

Tổng vốn ngân sách trung ương bồ sung giai đoạn 2021-2025 là 7.012 triệu đồng, trong đó: vốn trong nước là 7.012 triệu đồng.

*(Có các phụ lục chi tiết kèm theo)*

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.
2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Mười hai thông qua ngày tháng năm 2023 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - HĐND.

**CHỦ TỊCH**

**Hồ Văn Niên**